

TỈNH ỦY TÂY NINH
TIỂU BAN VĂN KIỆN

*

Số 02-CV/TBVK

V/v đề cương chi tiết Báo cáo Chính trị
Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Tây Ninh, ngày 17 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: - Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 14/6/2024 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng,

Thực hiện Kế hoạch số 224-KH/TU, ngày 15/7/2024 của Tỉnh ủy về việc tổ chức đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Tỉnh ủy,

Tiểu ban Văn kiện đã xây dựng, hoàn thiện Đề cương chi tiết Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2025-2030 và thống nhất bộ chỉ tiêu chủ yếu cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phục vụ Đại hội đảng bộ các cấp (gửi kèm theo).

Tiểu ban Văn kiện kính gửi Đề cương chi tiết để các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị căn cứ triển khai thực hiện.

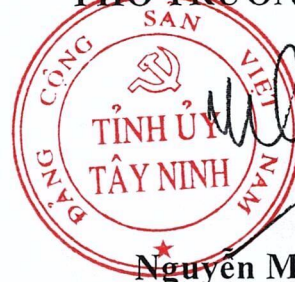
Nơi nhận:

- Như trên,
- Lãnh đạo VPTU,
- Phòng Tổng hợp – VPTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

PHÓ BÍ THƯ

kiêm

PHÓ TRƯỞNG TIỂU BAN



Nguyễn Mạnh Hùng



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XI
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XII**

Chủ đề Đại hội (là tên của Báo cáo chính trị) và Phương châm Đại hội sẽ được xác định, thảo luận, thống nhất khi viết báo cáo chính trị.

**PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT XI ĐẢNG BỘ TỈNH**

**I- TÌNH HÌNH LIÊN QUAN ĐẾN THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI
XI ĐẢNG BỘ TỈNH NHIỆM KỲ 2020-2025**

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025 được triển khai thực hiện trong bối cảnh thời cơ, thách thức đan xen.

1. Thời cơ, thuận lợi

1.1. Khách quan

- Vị thế, uy tín đất nước nâng cao trên trường quốc tế.
- Hội nhập, quốc tế sâu rộng, độ mở nền kinh tế lớn.
- Thành tựu kinh tế - xã hội đất nước tác động tích cực đến phát triển kinh tế Vùng, địa phương.
- Hiệu ứng lan toả từ liên kết phát triển vùng Đông Nam Bộ.
- Chính sách pháp luật tiếp tục hoàn thiện, đồng bộ.
- Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 mở ra cơ hội, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

1.2. Chủ quan

- Kế thừa và phát huy thành tựu phát triển qua các nhiệm kỳ.
- Tiềm năng, lợi thế được nhận diện, xác định rõ các đột phá chiến lược.
- Hạ tầng giao thông nội tỉnh được đầu tư ngày càng đồng bộ.

- Hệ thống chính trị đoàn kết, thống nhất, thể hiện khát vọng lớn; nguồn nhân lực được chuẩn hoá, ngày càng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

2. Khó khăn, thách thức

2.1. Khách quan

- Tình hình thế giới diễn biến phức tạp, cạnh tranh địa chính trị, địa kinh tế, quan hệ các nước lớn, xung đột vũ trang cục bộ... ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu.

- Đại dịch COVID-19 chưa có tiền lệ, tác động đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội đất nước, tỉnh nhà, để lại hậu quả nặng nề, kéo dài.

- Các thách thức từ an ninh phi truyền thống.

- Biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt, thời tiết có mặt không thuận lợi.

2.2. Chủ quan

- Khoảng cách phát triển giữa tỉnh với các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam bộ lớn.

- Quy mô nền kinh tế còn khiêm tốn.

- Nội lực nền kinh tế chưa mạnh, sức cạnh tranh nền kinh tế chưa cao.

- Nhu cầu đầu tư phát triển lớn nhưng nguồn lực hạn chế, khó tạo đột phá.

- Nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

* Song với sự nỗ lực lớn, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, sự năng động, sáng tạo các thành phần kinh tế mà các tầng lớp nhân dân tỉnh đã vượt qua khó khăn, duy trì đà tăng trưởng phục hồi nhanh sau đại dịch, thực hiện thắng lợi nhiều mục tiêu, chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh đề ra; đạt nhiều thành tựu, có mặt nổi bật.

II- KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XI

1. Kết quả thực hiện

1.1. Về kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh

1.1.1. Kinh tế tăng trưởng khá, có mặt nổi bật

- Đánh giá kết quả các chỉ tiêu chủ yếu, gắn với từng lĩnh vực.

- Đánh giá quy mô nền kinh tế so với giai đoạn 2015-2020.

- Đánh giá việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tốc độ chuyển dịch so với mặt bằng chung.

- Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng chất lượng, hiệu quả. Triển khai cơ cấu lại nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu trong nội ngành theo hướng chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi phát triển mạnh theo chuỗi giá trị, công tác quản lý, phát triển rừng gắn với du lịch sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học; công tác vệ sinh, phòng dịch trên vật nuôi và cây trồng; đầu tư hạ phục vụ phát triển nông nghiệp, chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Công nghiệp giữ vai trò chủ đạo, đóng góp cao vào tăng trưởng; mức độ tăng trưởng và đóng góp công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP. Công nghiệp năng lượng sạch phát triển nhanh, nhất là năng lượng mặt trời.

- Thương mại, dịch vụ phát triển đa dạng. Giá trị tăng thêm ngành dịch vụ bình quân hàng năm; hệ thống bán lẻ (siêu thị, cửa hàng tiện ích,...). Dịch vụ khách sạn, cơ sở lưu trú, ăn uống, viễn thông, vận tải công cộng; hoạt động dịch vụ tài chính, ngân hàng, thương mại điện tử, kinh tế số. Du lịch phát triển ấn tượng, sản phẩm phong phú, tăng cao cả về doanh thu và số lượng du khách. Đặc biệt, khu du lịch quốc gia núi Bà Đen được tập trung đầu tư trở thành khu du lịch đặc sắc, đẳng cấp mang tầm quốc tế.

- Thị trường xuất khẩu tiếp tục mở rộng; một số sản phẩm hàng hóa tiếp cận được thị trường khó tính, đặc thù như EU, Mỹ, Hala. Tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2020-2025, so sánh giai đoạn 2015-2020.

- Thu ngân sách hàng năm; tốc độ thu ngân sách hàng năm tăng bình quân...% năm, tổng thu ngân sách giai đoạn 2020 – 2025, so sánh với giai đoạn 2015-2020 (đạt/không đạt NQĐH XI đề ra). Điều hành ngân sách chặt chẽ, đúng quy định, hiệu quả và tiết kiệm. Đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển; tỷ lệ đầu tư toàn xã hội bình quân giai đoạn 2020 – 2025 chiếm...%GRDP.

- Tình hình phát triển doanh nghiệp, kinh tế hợp tác, hợp tác xã.

- Thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

- Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông kết nối Vùng được quan tâm thúc đẩy đạt một số kết quả; Tỉnh phối hợp chặt chẽ với Thành phố Hồ Chí Minh đang triển khai thực hiện dự án Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Mộc Bài theo tiến độ. Hoàn thành giai đoạn 1 dự án Tưới tiêu khu vực phía Tây sông Vàm Cỏ Đông và đang triển khai thực hiện giai đoạn 2.

- Công tác quy hoạch được quan tâm với tư duy và tầm nhìn dài hạn, nâng cao chất lượng. Hoàn thành và đang triển khai thực hiện quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung Khu kinh tế cửa Khẩu Mộc Bài, một số quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết tạo đột phá phát triển kinh tế - xã hội.

- Triển khai thực hiện chương trình phát triển đô thị, tỷ lệ đô thị hóa.

- Quản lý và sử dụng đất đai, tài nguyên; hiện đại hoá, ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường.

- Kết quả thực hiện các chương trình đột phá triển khai đạt một số kết quả (*Nêu khái quát kết quả cơ bản của 4 Chương trình đột phá*); các công trình, dự án trọng điểm.

1.1.2. Văn hóa xã hội chuyển biến tích cực, hầu hết các chỉ tiêu đạt, vượt Nghị quyết đề ra. Xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục, y tế đạt một số kết quả; khoa học và công nghệ được quan tâm, đóng góp thiết thực hơn vào sự phát triển của địa phương.

- Hoạt động thông tin truyền thông đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị; tích cực đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

- Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao đa dạng, phong phú, thiết thực, đáp ứng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hoá, nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân; các thiết chế văn hoá được quan tâm củng cố, các phong trào, các danh hiệu văn hoá ngày càng thực chất, hiệu quả hơn; di tích được tu bổ, bảo tồn và phát huy; thêm nhiều di sản văn hóa vật thể, phi vật thể được công nhận.

- Hệ thống chính trị, ngành y tế đã nỗ lực vượt qua khó khăn, huy động mọi nguồn lực, không chế và đẩy lùi đại dịch COVID-19, tạo điều kiện cho các hoạt động kinh tế - xã hội sớm khôi phục sau đại dịch (*Nêu khái quát kết quả lớn liên quan đến phòng chống dịch và khôi phục sau đại dịch*).

- Tình hình chăm sóc sức khoẻ Nhân dân (hệ thống y tế từ tỉnh đến cơ sở; bảo hiểm y tế, dân số).

- Các chỉ tiêu cơ bản đo lường phát triển giáo dục (phổ cập mầm non 05 tuổi trở lên; trường đạt chuẩn/kiên cố hoá trường học; phổ cập các cấp học...).

- Công tác xã hội hóa lĩnh vực y tế đạt một số kết quả.

- An sinh xã hội, phúc lợi xã hội, công tác đào tạo nghề, nhất là đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tỷ lệ lao động qua đào tạo, giải quyết việc làm mới cho lao động.

- Công tác tôn giáo, dân tộc, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc; hoạt động của tôn giáo.

1.1.3. Cải cách hành chính được đẩy mạnh, môi trường đầu tư được cải thiện, công tác chuyển đổi số được chú trọng và đạt kết quả tích cực.

- Nêu khái quát kết quả lớn về công tác cải cách hành chính.

- Khái quát kết quả về cải thiện môi trường đầu tư thông qua các hoạt động, hỗ trợ thủ tục đầu tư, tháo gỡ khó khăn, xúc tiến đầu tư, triển khai chính sách hỗ trợ, thành lập các tổ công tác đặc biệt; cải thiện các chỉ số năng lực cấp tỉnh.

- Khái quát kết quả trong công tác chuyển đổi số, tập trung vào 03 trụ cột: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình, chất lượng hoạt động của Trung tâm IOC.

1.1.4. Quốc phòng - an ninh được tăng cường, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định; công tác cải cách tư pháp, hoạt động các cơ quan Tư pháp có nhiều chuyển biến.

- Nêu khái quát đánh giá kết quả nổi bật trong công tác quốc phòng – an ninh ở địa phương, tập trung vào:

+ Xây dựng tiềm lực và thế trận (thế trận quốc phòng, biên phòng toàn dân gắn thế trận an ninh nhân dân).

+ Xây dựng khu vực phòng thủ; công tác bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia.

+ Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương (quân sự, biên phòng, công an)

+ Củng cố tổ chức giữ gìn an ninh trật tự (bố trí công an chính quy; thành lập lực lượng bảo vệ an ninh trật tự tại cơ sở...).

+ Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, phong trào phòng chống tội phạm, tai nạn giao thông.

+ Tình hình an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo, an ninh công nhân.

- Nêu khái quát đánh giá kết quả chính của công tác cải cách tư pháp của tỉnh.

- Kết quả hoạt động trọng tâm của các cơ quan tư pháp (tư pháp, toà án, viện kiểm sát, thi hành án)

- Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân được quan tâm và thực hiện đúng quy định, không để xảy ra điểm nóng về khiếu kiện (tóm tắt tình hình kết quả giải quyết trong giai đoạn có phụ lục kèm theo).

1.1.5. Chủ động hội nhập, tăng cường thúc đẩy hợp tác phát triển; công tác đối ngoại được quan tâm thường xuyên đạt kết quả tích cực, giữ vững đường biên giới hoà bình hữu nghị và hợp tác

- Kết quả đối ngoại trên các lĩnh vực cơ bản: kinh tế, văn hoá – xã hội, quốc phòng - an ninh.

- Nêu một số kết quả trong thực hiện các chương trình hợp tác hữu nghị với các đối tác quốc tế (các tỉnh giáp biên và có mối quan hệ hữu nghị thuộc Vương quốc Campuchia)

- Nêu khái quát một số kết quả lớn trong thực hiện chương trình hợp tác phát triển với các tỉnh, thành phố, các tập đoàn kinh tế.

- Nêu khái quát một số kết quả lớn liên quan đến hoạt động đối ngoại của hệ thống chính trị, lực lượng vũ trang, ngoại giao nhân dân, hoạt động giao lưu hữu nghị, diễn ra tại địa phương trong giai đoạn; hoạt động đầu tư, hỗ trợ, giúp đỡ của các tổ chức quốc tế, các tỉnh giáp biên và có mối quan hệ hữu nghị thuộc Vương quốc Campuchia

1.2. Về công tác xây dựng Đảng

1.2.1. Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và đạo đức

- Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng

+ Vấn đề kiên định mục tiêu, lý tưởng của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đổi mới.

+ Xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao lý luận và bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên; tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

+ Đảm bảo vai trò hạt nhân lãnh đạo của cấp uỷ Đảng.

+ Tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận gắn với đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

+ Triển khai, quán triệt, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết, quy định của Đảng.

+ Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền; nắm bắt dư luận và định hướng tư tưởng.

- Công tác xây dựng Đảng về đạo đức

+ Công tác giáo dục đạo đức cách mạng, nâng cao ý thức tu dưỡng, rèn luyện cán bộ, đảng viên.

+ Việc thực hiện các giải pháp cụ thể nhằm đẩy lùi suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong đội ngũ cán bộ, đảng viên.

+ Xây dựng, thực hiện chuẩn mực đạo đức, lối sống, đạo đức công vụ cho cán bộ, đảng viên; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

+ Thực hiện Kết luận số 01-KL/TW thông qua các chuyên đề toàn khoá, chuyên đề hàng năm gắn với thực hiện các quy định về những điều đảng viên không được làm.

+ Phát huy vai trò của cấp uỷ, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội trong giám sát việc thực hiện tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên.

1.2.2. Đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

- Kết quả thực hiện tinh gọn tổ chức bộ máy, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; sắp xếp mô hình tổ chức đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW.

- Kết quả tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm; hoàn thiện cơ chế lựa chọn, đánh giá, sàng lọc để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

1.2.3. Củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên

- Kết quả củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, nhất là cấp cơ sở.

- Nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, kỹ năng và nghiệp vụ công tác đảng cho đội ngũ cấp ủy viên cơ sở, nhất là bí thư cấp ủy.

- Kết quả thực hiện chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là thủ trưởng của cơ quan, đơn vị; bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân; bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã.

- Kết quả công tác kết nạp, quản lý đảng viên; đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên; rà soát, sàng lọc, xoá tên, cho ra khỏi Đảng.

1.2.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ và công tác bảo vệ chính trị nội bộ

- Kết quả công tác quán triệt, triển khai, cụ thể hoá các quy định, hướng dẫn của Trung ương về công tác cán bộ; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính; kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ.

- Thực hiện chủ trương của Đảng về công tác cán bộ: đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; kiểm tra, giám sát công tác cán bộ; phát hiện, lựa chọn, thu hút, trọng dụng nhân tài; công tác cán bộ trẻ, nữ, người dân tộc thiểu số; Đề án “Phát triển nguồn nhân lực khu vực công chất lượng cao tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Kết quả công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

1.2.5. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

- Kết quả hoàn thiện quy định, quy chế, quy trình, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; Đề án số 02-ĐA/TU, ngày 09/9/2021 về “Hạn chế tình trạng tổ chức đảng, đảng viên vi phạm bị xử lý kỷ luật trong Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 – 2025”.

- Kết quả kiểm tra, giám sát, phát hiện, xử lý các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, nhất là các lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực; kết quả hậu kiểm tra sau kiểm tra, giám sát; công tác xác minh tài sản, thu nhập của cán bộ, đảng viên.

- Kết quả việc tự kiểm tra, nắm tình hình, dự báo, phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn khuyết điểm, vi phạm từ sớm, từ xa.

- Kết quả phối hợp kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra Nhà nước, điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật; phối hợp giám sát của Đảng với giám sát của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Kết quả xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; kiện toàn, củng cố kịp thời tổ chức bộ máy uỷ ban kiểm tra các cấp.

1.2.6. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

- Kết quả triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên các lĩnh vực.

- Kết quả thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, tự kiểm tra nội bộ, thanh tra, phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực; điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; thu hồi tài sản tham nhũng, nhất là các vụ án, vụ việc diện Trung ương theo dõi, chỉ đạo xử lý.

- Kết quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh thời gian qua.

1.2.7. Công tác dân vận; tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng

- Kết quả công tác triển khai, cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng về công tác dân vận theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

- Kết quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp; phong trào thi đua “Dân vận khéo”, tuyên truyền, nhân rộng các mô hình, điển hình về công tác dân vận.

- Kết quả nắm bắt tâm tư, nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của các tầng lớp Nhân dân; công tác tiếp dân, đối thoại, giải quyết kiến nghị của Nhân dân và xử lý các vấn đề bức xúc liên quan đến đời sống Nhân dân, các vụ khiếu kiện đông người, vượt cấp, kéo dài.

- Kết quả triển khai vận động, thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với đồng bào dân tộc, tôn giáo, đồng bào Việt Nam ở nước ngoài. Công tác

vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc, tín đồ; củng cố, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững chắc.

- Kết quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân; việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Kết quả phối hợp thực hiện Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị; phối hợp giữa chính quyền, các cơ quan, tổ chức với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp; xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác dân vận.

1.2.8. Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng

- Kết quả đổi mới, nâng cao chất lượng ban hành và tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy.

- Kết quả đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động.

- Kết quả đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tổ chức, cán bộ.

- Kết quả đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát.

- Kết quả phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

- Kết quả đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới phong cách lãnh đạo, phương pháp công tác, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ tỉnh đến cơ sở.

2. Hạn chế, yếu kém (xác định rõ những hạn chế, yếu kém lớn trên từng lĩnh vực)

2.1. Về kinh tế - xã hội

- Các chỉ tiêu chưa đạt Nghị quyết đề ra.

- Kinh tế tăng trưởng chưa bền vững; đánh giá việc phát triển công nghiệp theo chiều sâu, chú trọng các ngành, lĩnh vực có hàm lượng khoa học công nghệ, giá trị gia tăng cao.

- Quy mô nền kinh tế còn khiêm tốn, sức cạnh tranh chưa cao, nhất là so với các tỉnh, Thành vùng Đông Nam Bộ.

- Một số hạn chế trong việc thực hiện các đột phá chiến lược.

- Hạ tầng giao thông kết nối vùng phát triển chậm, chưa đồng bộ, hiện đại.

- Kết quả xử lý các điểm nghẽn đã được nhận diện (quy hoạch, đất đai, đầu tư) chưa có bước đột phá.

- Một số công trình trọng điểm (đầu tư công, đầu tư tư) triển khai chậm tiến độ.

- Doanh nghiệp, kinh tế hợp tác, hợp tác xã phát triển chậm, hoạt động còn khó khăn.

- Một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, chính sách khuyến công, khuyến nông triển khai chậm; tiếp cận chính sách còn khó khăn.
- Kết quả xây dựng nông thôn mới chưa toàn diện, thiếu vững chắc.
- Phát triển đô thị, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường (cả đô thị và nông thôn) còn có nội dung bất cập, yếu kém.
- Hạn chế về doanh số, chất lượng của ngành du lịch.
- Thiết chế văn hoá còn bất cập, chưa thiết thực, hiệu quả.
- Lĩnh vực y tế, giáo dục có mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Tình trạng thiếu thuốc cục bộ còn xảy ra ảnh hưởng đến công tác khám, điều trị bệnh.
- Khoa học công nghệ, chuyên đổi số có mặt hạn chế.
- Các chương trình mục tiêu quốc gia kết quả chưa toàn diện; đào tạo nghề cho lao động nông thôn kết quả còn hạn chế.
- Cải cách hành chính, môi trường đầu tư chưa đồng bộ, toàn diện; kết quả các chỉ số PAPI, SIPAS, PAR INDEX chậm được cải thiện.

2.2. Về quốc phòng – an ninh, cải cách tư pháp

- Kết quả triển khai xây dựng khu vực phòng thủ còn hạn chế.
- Nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân có mặt chưa toàn diện.
- Phong trào thi đua quyết thắng, xây dựng đơn vị trong sạch, vững mạnh toàn diện có mặt còn hạn chế.
- Phong trào toàn dân phòng chống tội phạm kết quả chưa toàn diện, vững chắc.
- Tội phạm có lúc, có nơi gia tăng, nhất là tội phạm nghiêm trọng.
- Tai nạn giao thông kéo giảm chưa ổn định, còn ở mức cao.
- Công tác cải cách tư pháp chưa toàn diện, đồng bộ, có mặt bất cập.
- Công tác giải quyết khiếu nại tố cáo có lúc, có nơi chưa bảo đảm chặt chẽ đúng quy định; khiếu kiện quyết định hành chính tăng.

2.3. Về xây dựng Đảng, hệ thống chính trị

- Các chỉ tiêu về xây dựng đảng không hoàn thành (nếu có).
- Các chỉ tiêu, mục tiêu công tác mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội đạt thấp.
- Việc ban hành các văn bản triển khai, cụ thể hóa thực hiện nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy có lúc còn chậm, chất lượng chưa cao.

- Việc tổ chức quán triệt, triển khai văn bản của Trung ương chủ yếu trực tuyến từ Trung ương hoặc bằng hình thức sao gửi văn bản, chưa tổ chức các hội nghị chuyên đề.

- Chất lượng chuyển biến trong thực tế tuyên truyền nghị quyết chưa sâu rộng, thấm nhuần. Tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận còn nhiều mặt hạn chế. Học và làm theo gương Bác Hồ theo chuyên đề toàn khoá, hằng năm có nhiệm vụ đề ra thực hiện hiệu quả chưa cao, chỉ đạt mức độ việc tuyên truyền, giáo dục về chính trị tư tưởng. Năm, định hướng dư luận, tư tưởng, phủ xanh thông tin tích cực có lúc, có việc chưa kịp thời.

- Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một vài tổ chức cơ sở đảng chưa cao.

- Tình trạng đảng viên bị xóa tên, xin ra khỏi Đảng được kéo giảm nhưng vẫn còn.

- Còn có tổ chức đảng, đảng viên vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật. Công tác kiểm tra, giám sát có lúc chưa được quan tâm đúng mức, công tác tự kiểm tra phát hiện, phòng ngừa sai phạm hiệu quả chưa cao. Công tác quản lý đảng viên có nơi chưa chặt chẽ.

- Việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy tại các cơ quan, đơn vị, địa phương mới chỉ giảm đầu mối về tổ chức bộ máy, chưa thực sự gắn với việc thực hiện tinh giản biên chế.

- Tiến độ giải quyết các vụ án tham nhũng, tiêu cực còn chậm, chưa đạt được yêu cầu đề ra.

- Công tác phản biện xã hội được quan tâm triển khai thực hiện nhưng chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

III- ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Nêu ngắn gọn khái quát cao nhất sự nỗ lực của hệ thống chính trị, những thành tựu nổi bật, hạn chế yếu kém cơ bản về kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh, công tác xây dựng đảng, hệ thống chính trị (khoảng 1,5 trang).

- Đánh giá khái quát về những chuyển biến tích cực trong công tác xây dựng Đảng so với nhiệm kỳ trước. Những kết quả nổi bật trong công tác xây dựng Đảng.

IV- NGUYÊN NHÂN, BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Nguyên nhân thành tựu

1.1. Khách quan

- Sự lãnh đạo tập trung, sâu sát, quyết liệt của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Chính phủ.
- Sự hướng dẫn, phối hợp, hỗ trợ của các ban, bộ, ngành Trung ương; các tỉnh, thành phố và các tập đoàn kinh tế.
- Chính sách pháp luật tiếp tục hoàn thiện; sự gia tăng phân cấp, phân quyền của Trung ương.
- Hiệu ứng lan toả từ thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của vùng Đông Nam Bộ đến sự phát triển của tỉnh.

1.2. Chủ quan

- Sự nỗ lực lớn, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, năng động sáng tạo của các thành phần kinh tế, các tầng lớp nhân dân.
- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đoàn kết, trách nhiệm, chủ động quyết tâm cao trong lãnh đạo, chỉ đạo, đổi mới tư duy, phương thức lãnh đạo của Đảng; có sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành giữa Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.
- Kế thừa, phát huy thành tựu phát triển qua các giai đoạn.
- Khai thác tiềm năng, lợi thế, thực hiện có hiệu quả các đột phá chiến lược.
- Huy động nguồn lực xã hội hoá, thu hút được các nhà đầu tư chiến lược trong triển khai các dự án trọng điểm mang tính động lực, lan toả.
- An sinh xã hội được đảm bảo; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nội địa, trên tuyến biên giới được giữ vững ổn định, tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội.

2. Nguyên nhân hạn chế, yếu kém

2.1. Khách quan

- Kinh tế thế giới suy giảm bởi các cuộc xung đột ảnh hưởng đến xuất khẩu, thu hút đầu tư, gia tăng giá nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất...
- Ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19 đến sự phát triển kinh tế và các lĩnh vực của đời sống xã hội, tác động không nhỏ đến kết quả các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh đề ra.
- Một số chính sách pháp luật còn bất cập, chưa phù hợp thực tiễn gây khó khăn trong thực thi pháp luật.

- Một số vụ án các cơ quan tiến hành tố tụng chưa thống nhất về quan điểm, định hướng xử lý, phải chờ hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan ngành dọc cấp trên.

2.2. Chủ quan

- Về nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên đối với tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn mới.

- Về chấp hành nguyên tắc, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là cấp ủy viên và cán bộ lãnh đạo, quản lý.

- Chưa có nhiều đổi mới trong tổ chức học tập Nghị quyết. Có lúc, có nơi chưa chú trọng phát hiện, nhân rộng điển hình.

- Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của cấp ủy, tổ chức đảng. Một số cấp ủy, tổ chức đảng, hệ thống chính trị chưa thể hiện quyết tâm, trách nhiệm cao trong lãnh đạo, chỉ đạo; một bộ phận lãnh đạo quản lý, cán bộ tham mưu còn nặng tâm lý sợ rủi ro, sợ trách nhiệm.

- Chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh đề ra trong điều kiện bình thường, chưa dự báo, tiên liệu yếu tố đột xuất phát sinh (đại dịch COVID-19).

- Thiếu nguồn lực cho đầu tư phát triển, đầu tư công chưa đóng vai trò dẫn dắt đầu tư tư.

- Cải cách hành chính, chuyển đổi số, môi trường đầu tư chưa mang tính đột phá.

- Các cơ quan tham mưu, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Việc phản biện xã hội chưa huy động được các chuyên gia để tham gia ý kiến.

3. Bài học kinh nghiệm

3.1. Sự đoàn kết, thống nhất, khơi dậy khát vọng lớn, quyết tâm cao của hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đề ra. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thống nhất, đồng thuận thực hiện.

3.2. Tuân thủ các nguyên tắc, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng; kiên định, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn ở địa phương.

3.3. Về sự lãnh đạo, chỉ đạo, thể chế hóa, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ.

3.4. Thực hiện đồng bộ các giải pháp kiện toàn, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện.

3.5. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

3.6. Xác định trọng tâm, trọng điểm, các đột phá chiến lược, khai thác tiềm năng, lợi thế, tạo ra nguồn lực, động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh, bền vững.

3.7. Chú trọng thu hút các nhà đầu tư chiến lược hiện thực hoá các mục tiêu, định hướng, thực hiện các dự án trọng điểm mang tính động lực.

3.8. Coi trọng chất lượng tăng trưởng, phát triển bền vững, gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm an sinh xã hội và bảo vệ môi trường.

3.9. Chủ động hợp tác, liên kết phát triển với các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ và các tập đoàn kinh tế, tạo cơ hội, động lực phát triển toàn diện.

3.10. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

PHẦN THỨ HAI QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2025-2030

I- DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Thời cơ, thuận lợi

- Hội nhập quốc tế sâu rộng; vị thế, uy tín đất nước tiếp tục nâng cao trên trường quốc tế.
- Môi trường hoà bình, chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng – an ninh quốc gia được giữ vững.
- Thành tựu kinh tế - xã hội, kinh nghiệm phát triển đất nước tác động hiệu ứng lan toả tích cực đến phát triển địa phương.
- Chính sách pháp luật ngày càng hoàn thiện, đồng bộ.
- Liên kết vùng Đông Nam Bộ đẩy mạnh toàn diện, thực chất, hiệu quả hơn.
- Thành tựu phát triển kinh tế - xã hội nhiệm kỳ 2020-2025; tiềm năng, lợi thế của tỉnh được phát huy, tạo tiền đề, động lực phát triển giai đoạn 2025-2030.

- Khát vọng lớn, quyết tâm cao vì sự phát triển tỉnh nhà của hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân tạo tiềm lực chính trị tinh thần to lớn thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững.

2. Khó khăn, thách thức

2.1. Khách quan

- Tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, khó lường, khó tiên liệu tác động không nhỏ đến sự phát triển kinh tế - xã hội và tỉnh nhà.
- Sự chống phá của các thế lực thù địch ngày càng gia tăng.
- Những thách thức từ an ninh phi truyền thống.
- Tình hình ngoại biên tiềm ẩn yếu tố phức tạp.
- Vị trí cửa ngõ, biên giới là thách thức không nhỏ về quốc phòng, an ninh của địa phương.

2.2. Chủ quan

- Hạn chế, yếu kém, khó khăn, thách thức giai đoạn 2020-2025 tác động đến sự phát triển giai đoạn 2025-2030.
- Nhu cầu đầu tư, phát triển giai đoạn 2025-2030 rất lớn (mang tính đột phá), nhưng nguồn lực đầu tư không đáp ứng nhu cầu.
- Chỉ tiêu phân bổ đất đai, nhất là đất công nghiệp chưa phù hợp để triển khai hiện thực hóa các dự án trọng điểm, mang tính động lực theo quy hoạch.
- Năng lực, sức cạnh tranh nền kinh tế chưa cao; nội lực nền kinh tế chưa mạnh.
- Nguồn nhân lực (khu vực công và tư) chưa đáp ứng nhu cầu phát triển.
- Tiêu cực, nhũng nhiễu, tâm lý sợ rủi ro, sợ trách nhiệm chưa được khắc phục triệt để sẽ tiếp tục là lực cản trong hoạt động quản lý, thu hút đầu tư.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Quan điểm phát triển

- Có tư duy và tầm nhìn chiến lược, dài hạn, kiến tạo, đột phá; coi trọng yếu tố phát triển bền vững “phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng – an ninh, bảo đảm an sinh xã hội và bảo vệ môi trường” hướng tới mục tiêu “Tây Ninh xanh”.

- Phát triển đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực; nâng cao chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế; tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực, khai thác tốt tiềm năng lợi thế, huy động hiệu quả nguồn lực; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, thúc đẩy đổi mới sáng

tạo, tạo chuyển biến mạnh mẽ về cải cách hành chính, môi trường đầu tư, tạo đột phá, tăng tốc phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

- Hiện thực hóa nhanh, có hiệu quả Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, các đột phá chiến lược, các chương trình hợp tác, liên kết phát triển đã ký kết; chủ động và nâng cao hiệu quả liên kết vùng tạo ra nguồn lực, động lực mới phát triển kinh tế xã hội.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực văn hoá – xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo ra tiềm lực chính trị, tinh thần to lớn thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

- Củng cố, tăng cường tiềm lực, xây dựng và phát huy thế trận quốc phòng - an ninh; xây dựng lực lượng vũ trang địa phương cách mạng, chính quy, tinh nhuệ từng bước hiện đại; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác phát triển.

- Khơi dậy mạnh mẽ tiềm lực chính trị, tinh thần, khát vọng phát triển; truyền thống cách mạng, giá trị văn hóa, quê hương, con người Tây Ninh trong hiện thực hóa mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Mục tiêu phát triển giai đoạn 2025-2030

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy tiềm năng, lợi thế, nguồn lực và yếu tố con người tạo đột phá phát triển nhanh, toàn diện và bền vững. Đến năm 2030, Tây Ninh trở thành địa phương phát triển năng động, văn minh, có môi trường sống tốt, thích ứng với biến đổi khí hậu, trở thành địa phương đáng đến và đáng sống.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030: Theo phụ lục đính kèm

3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

3.1. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo đảm tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn mức bình quân chung của cả nước

- Tập trung đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên.

- Ưu tiên, tập trung phát triển công nghiệp cơ khí điện tử, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với công nghệ tiên

tiến, thông minh, thân thiện môi trường, ít phát thải, tiết kiệm năng lượng, ít thâm dụng lao động và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng đất.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động các khu công nghiệp hiện có; hoàn thành đúng tiến độ, đưa vào hoạt động các khu công nghiệp đang triển khai (Khu công nghiệp Phước Đông - Bời Lời giai đoạn 3, Khu công nghiệp Hiệp Thạnh); mở rộng và triển khai thêm các khu công nghiệp có đủ điều kiện theo Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, Khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát theo động lực mới gắn với mục tiêu phát triển xanh và bền vững, tạo lợi thế cạnh tranh để đẩy mạnh thu hút nguồn lực đầu tư. Triển khai, hoàn thành và đưa vào hoạt động các cụm công nghiệp đủ điều kiện theo quy hoạch.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả tái cơ cấu trong lĩnh vực nông nghiệp; ưu tiên phát triển nông nghiệp theo định hướng quy hoạch; sản xuất nông nghiệp tập trung, quy mô lớn, liên kết phát triển theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao, tạo ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn, chất lượng, phát triển bền vững, gắn kết tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu có giá trị xuất khẩu cao.

- Thúc đẩy thương mại, dịch vụ phát triển nhanh, bền vững, tạo ra giá trị cao, gia tăng đóng góp vào ngân sách tương xứng với tiềm năng, lợi thế và cơ hội phát triển; đa dạng hóa các loại hình dịch vụ gắn với du lịch, hình thành và nâng cao chất lượng dịch vụ kinh tế về đêm; phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí lành mạnh, đặc sắc, đẳng cấp, có sức thu hút du khách. Tạo chuỗi liên kết phát triển du lịch, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kinh doanh về du lịch, nhất là các tour, tuyến du lịch; phát huy hiệu quả giá trị các di tích, di sản văn hóa vật thể, phi vật thể trong chuỗi phát triển thương mại dịch vụ du lịch. Tạo điều kiện, tập trung đầu tư hoàn thành Quy hoạch chung khu du lịch Quốc gia núi Bà Đen theo Quyết định số 1099/QĐ-TTg, ngày 05/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ trở thành khu du lịch đẳng cấp, đặc sắc mang tầm quốc tế; phấn đấu thu hút 10 triệu lượt khách du lịch vào năm 2030.

- Phát triển, khai thác có hiệu quả các điểm du lịch tiềm năng (Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát, Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Căn cứ Trung ương Cục miền Nam, đảo Nhím hồ Dầu Tiếng...).

- Quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển, gia tăng hoạt động đầu tư, đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tạo điều kiện thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, kinh tế hợp tác, hợp tác xã cả về số lượng, quy mô lẫn chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Triển khai kịp thời, đầy đủ các chính sách hỗ trợ, tiếp tục nghiên cứu chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, kinh tế hợp tác trong đổi mới sáng tạo, đổi mới công nghệ, chuyển đổi số; đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng thương hiệu, tìm kiếm thị trường, nâng cao năng lực quản trị...

- Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý, điều hành ngân sách; gia tăng nguồn lực, khai thác hợp lý, hiệu quả các nguồn thu, nhất là tăng cường nguồn thu từ tài nguyên, khoáng sản; phấn đấu hoàn thành đạt, vượt dự toán thu ngân sách hằng năm.

3.2. Đẩy mạnh huy động đa dạng hóa nguồn lực, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, văn minh, hiện đại; đột phá phát triển về hạ tầng giao thông

- Hiện thực hóa kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các quy hoạch nhất là Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch ngành để khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế, tạo ra nguồn lực, động lực cho sự phát triển.

- Tập trung đầu tư phát triển đồng bộ về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật, nhất là hạ tầng giao thông; hoàn thành đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Mộc Bài vào cuối năm 2027, các dự án giao thông (đường bộ, đường sắt) trọng điểm kết nối vùng, kết nối nội tỉnh, các dự án có tính động lực, lan tỏa, dẫn dắt phát triển.

- Phát triển các tuyến đường thủy nội địa trên các tuyến sông Vàm Cỏ Đông, sông Sài Gòn và các tuyến rạch, hồ theo quy hoạch.

- Triển khai phát triển các cảng thủy nội địa, cảng cạn, trung tâm logistics trọng điểm theo quy hoạch.

- Hình thành hệ thống bến xe khách tỉnh và các địa phương, đáp ứng yêu cầu vận chuyển hành khách văn minh hiện đại.

- Phát triển đồng bộ nguồn và lưới điện trên cơ sở các nguồn lực, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo quy hoạch phát triển điện lực quốc gia. Tạo điều kiện triển khai nhanh và hoàn thành các dự án điện năng lượng mặt trời theo quy hoạch, phấn đấu trở thành trung tâm điện năng lượng tái tạo (điện mặt trời) của quốc gia.

- Tiếp tục đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi đồng bộ, hiệu quả phục vụ sản xuất nông nghiệp phát triển bền vững.

- Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước thủy lợi hồ Dầu Tiếng.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp mở rộng, hoàn thiện hệ thống hạ tầng thu gom, xử lý nước thải ở đô thị, khu dân cư nông thôn.

- Quan tâm đầu tư, phát triển hạ tầng cơ bản thiết yếu, cấp bách trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, du lịch, thương mại, khoa học công nghệ, công nghệ thông tin, bảo trợ xã hội... theo Quy hoạch tỉnh đã đề ra, phù hợp với nguồn lực trong giai đoạn.

- Đẩy mạnh phát triển đô thị, tạo chuyển biến mới trong quản lý trật tự đô thị

+ Phát triển đô thị xanh, đô thị thông minh, hiện đại, bền vững.

+ Phát triển đa dạng hóa các loại hình nhà ở, khuyến khích phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân.

+ Thu hút đầu tư phát triển các khu đô thị mới theo quy hoạch, tạo điều kiện triển khai và hoàn thành các khu đô thị đã và đang triển khai (khu đô thị mới tại phường Ninh Thạnh, khu đô thị phụ cận phục vụ Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen...).

+ Coi trọng việc chỉnh trang đô thị hiện hữu, khu dân cư nông thôn trật tự, văn minh.

+ Đầu tư hoàn thiện tiêu chí đô thị theo quy hoạch.

3.3. Xây dựng, phát triển toàn diện nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành nền tảng vững chắc cho phát triển nhanh và bền vững; xây dựng con người hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần truyền thống yêu nước, nhân văn, khơi dậy mạnh mẽ tình yêu gia đình, quê hương, Tổ quốc, nâng cao ý chí tự cường và khát vọng phát triển đất nước giàu mạnh, dân chủ, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc

- Nâng cao nhận thức đầu tư cho văn hóa là đầu tư phát triển; xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát huy sức mạnh mềm văn hóa để nâng cao năng lực cạnh tranh, vị thế của đất nước và thành phố trên trường quốc tế

+ Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao đáp ứng yêu cầu nâng cao đời sống tinh thần, nâng cao sức khỏe thể chất của Nhân dân.

+ Xây dựng hình ảnh quê hương, con người Tây Ninh mến khách, thân thiện, nghĩa tình; đưa văn hóa thấm thấu trong các ngành, lĩnh vực.

+ Bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc, các di tích lịch sử, di sản văn hóa, xem đây là mục tiêu, động lực quan trọng phát triển bền vững. Nâng cao chất lượng hoạt động các thiết chế văn hóa.

- Đầu tư nguồn lực tương xứng phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa; xây dựng hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở, hoạt động hiệu quả, thiết thực.

+ Triển khai đầu tư xây dựng khu phức hợp văn hóa, thể thao, bảo tàng gắn với quảng trường trung tâm (giai đoạn 1) theo quy hoạch chung thành phố Tây Ninh.

+ Đầu tư hoàn thiện trung tâm thể dục thể thao tỉnh đáp ứng yêu cầu đào tạo vận động viên thành tích cao, hình thành đội ngũ vận động viên chuyên nghiệp.

+ Khuyến khích đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao.

- Phát triển mạnh mẽ thể dục thể thao phong trào, đưa phong trào toàn dân rèn luyện thể dục thể thao theo gương Bác Hồ đi vào thực chất. Nâng cao chất lượng đào tạo thể thao thành tích cao, nhất là tập trung đào tạo những môn thể thao tính có thể mạnh.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động báo chí, xuất bản, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền; đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

+ Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án củng cố, kiện toàn, cao chất lượng Báo Tây Ninh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

+ Chú trọng đào tạo và phát triển đội ngũ phóng viên, biên tập viên, cán bộ kỹ thuật của các cơ quan báo chí địa phương bắt kịp và đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

3.4. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lực con người; phát triển mạnh mẽ và tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo.

+ Quan tâm đầu tư, nâng cấp, mở rộng trường học đạt chuẩn; tăng cường cơ sở vật chất các cấp học, đáp ứng yêu cầu.

+ Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đảm bảo đủ trường, lớp học, nhất là tại các khu vực đông dân cư, khu công nghiệp, vùng xa còn khó khăn.

+ Chú trọng phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giáo dục đào tạo, đáp ứng yêu cầu. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục; thu hút hình thành phân hiệu đại học tại tỉnh; phát triển hệ thống trường liên cấp chất lượng cao.

+ Đầu tư, nâng cấp, phát triển mạng lưới giáo dục nghề nghiệp; khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập.

+ Tăng cường liên kết đào tạo nghề giữa các cơ sở dạy nghề với các doanh nghiệp để đa dạng hình thức đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm.

- Thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; tạo đột phá, động lực quan trọng góp phần vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực, sức cạnh tranh của ngành kinh tế và cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư

+ Thu hút nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nghiên cứu hình thành mô hình trung tâm khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo phù hợp điều kiện, nguồn lực của địa phương.

+ Khuyến khích hỗ trợ các hoạt động đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh; nghiên cứu hình thành giải thưởng về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo của tỉnh nhằm động viên, khuyến khích và phát hiện tài năng, mô hình hay, hiệu quả.

+ Hoàn thiện và đạt các mục tiêu nhiệm vụ cơ bản về chính quyền số, nhất là tập trung hoàn thiện xây dựng và tích hợp đầy đủ cơ sở dữ liệu các lĩnh vực quản lý nhà nước; kết nối đồng bộ, thông suốt về cơ sở dữ liệu giữa Trung ương và địa phương, giữa tỉnh và các huyện, thị xã thành phố; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm giám sát, điều hành kinh tế - xã hội tập trung (IOC) bảo đảm phục vụ, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý.

+ Bảo đảm số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, bảo đảm cơ sở dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”.

+ Bảo đảm yêu cầu bảo mật, an ninh, an toàn thông tin.

+ Nâng cấp, hoàn thiện dịch vụ công trực tuyến mức độ cao (toàn trình) bảo đảm thân thiện, tối ưu hóa tiện ích cho tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng và nâng cao tỷ lệ người sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phòng, chống tiêu cực, thúc đẩy cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư.

+ Chú trọng đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu, gắn với phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về công nghệ thông tin trong hệ thống chính trị.

3.5. Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, tâm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người dân; chú trọng thực hiện phát triển xã hội bền vững, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, an sinh xã hội, an ninh con người

- Củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động hệ thống y tế công lập; thúc đẩy phát triển đa dạng y tế ngoài công lập đáp ứng tốt nhu cầu khám, điều trị bệnh cho Nhân dân. Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, toàn diện, đồng bộ về quy mô, cơ cấu; phân bổ, kết hợp hài hòa, hiệu quả giữa y học hiện đại và y học cổ truyền trong khám và điều trị.

+ Quan tâm đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực y tế dự phòng, kiểm nghiệm, pháp y, giám định y khoa.

+ Đầu tư xây dựng mới Bệnh viện đa khoa tỉnh; sửa chữa nâng cấp các bệnh viện chuyên ngành tuyến tỉnh, các trung tâm y tế; sắp xếp, củng cố, nâng cao hiệu quả hệ thống y tế xã.

+ Đẩy mạnh xã hội hóa phát triển bệnh viện, phòng khám đa khoa, dịch vụ y tế tư nhân chất lượng cao.

+ Tiếp tục quan tâm đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế, nhất là đào tạo bác sĩ, chuyên khoa sâu, điều dưỡng.

+ Chú trọng, khuyến khích phát triển mô hình liên thông, liên kết trong đào tạo, tư vấn, hội chẩn, chuyển giao kỹ thuật... giữa ngành y tế, các bệnh viện tỉnh với các bệnh viện ngoài tỉnh và tuyến Trung ương

- Huy động tối đa các nguồn lực, thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, kéo giảm hộ nghèo, duy trì nằm trong tốp đầu các tỉnh, thành phố có tỷ lệ thấp nhất cả nước.

+ Hoàn thành các mục tiêu cơ bản các chương trình mục tiêu quốc gia, bảo đảm yếu tố bền vững.

+ Bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các chính sách đối với người có công, thương binh, gia đình liệt sĩ, người có hoàn cảnh khó khăn.

+ Nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp bảo trợ xã hội, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người khuyết tật, đối tượng yếu thế; tạo điều kiện người dân tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao chất lượng cuộc sống, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, nhóm dân cư.

+ Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu trợ giúp xã hội cho mọi đối tượng.

+ Nâng cao chất lượng, hiệu quả các trung tâm trợ giúp việc làm; nghiên cứu phát triển sàn giao dịch việc làm khi đủ điều kiện.

3.6. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, tăng cường bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu; phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai góp phần xây dựng “Tây Ninh xanh”

- Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường.

- Phân bổ, tổ chức thực hiện có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế xã hội, tránh lãng phí.

- Quy hoạch hợp lý, khoa học, khai thác chặt chẽ, hiệu quả tài nguyên, khoáng sản, tài nguyên nước.

- Coi trọng công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; bảo vệ và phục hồi hệ sinh thái tự nhiên; bảo tồn các loài hoang dã, quý hiếm.

- Tăng cường công tác giám sát chất lượng nước, không khí; kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường, hủy hoại môi trường sinh thái, nhất là giám sát chặt chẽ xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải của các khu công nghiệp, các doanh nghiệp và nước thải sinh hoạt, ô nhiễm môi trường các

sông rạch. Phấn đấu tỷ lệ đầu nôi của người dân vào hệ thống xử lý nước thải đã được đầu tư xây dựng.

- Nâng cao năng lực quản lý, dự báo, ứng phó với thiên tai; nâng cao nhận thức, trách nhiệm cộng đồng trong phòng, chống thiên tai, chủ động ứng phó có hiệu quả những tác động của biến đổi khí hậu đến sản xuất, cuộc sống Nhân dân.

- Đầu tư, nâng cao năng lực, khả năng chống chịu các công trình, nhất là công trình thủy lợi quan trọng; nâng cao khả năng tiêu thoát nước; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong quan trắc, dự báo, theo dõi, giám sát và chỉ đạo, điều hành ứng phó thiên tai.

3.7. Bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động hội nhập, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, giữ vững chủ quyền an ninh biên giới, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị

- Đẩy mạnh xây dựng tiềm lực và thế trận quốc phòng - an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia.

+ Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương (quân sự, biên phòng, công an) trong sạch, vững mạnh toàn diện theo hướng chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đủ sức ứng phó với các tình huống về quốc phòng - an ninh, không để bị động bất ngờ.

+ Củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận lòng dân vững chắc.

+ Triển khai đầu tư xây dựng các dự án khu vực phòng thủ theo kế hoạch.

+ Nâng cao chất lượng hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các tổ chức giữ gìn an ninh trật tự ở cơ sở.

+ Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu cho các lực lượng chức năng bảo vệ an ninh trật tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm.

+ Chủ động đấu tranh phòng, chống có hiệu quả các loại tội phạm sử dụng công nghệ cao, các thế lực thù địch chống phá; kéo giảm mạnh tội phạm tệ nạn xã hội và tai nạn giao thông góp phần xây dựng Tây Ninh trở thành nơi đáng đến và đáng sống.

- Hiện thực hoá có hiệu quả các chương trình hợp tác đã ký kết với đối tác quốc tế, với các tỉnh thành phố vùng Đông Nam Bộ và các tập đoàn kinh tế.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại của hệ thống chính trị, lực lượng vũ trang và đối ngoại nhân dân với các đối tác, tổ chức quốc tế và các tỉnh giáp biên thuộc Vương quốc Campuchia, góp phần tranh thủ sự ủng hộ, tăng cường đoàn

kết, sự hiểu biết, độ tin cậy, củng cố niềm tin chiến lược, tạo môi trường hoà bình, ổn định phát triển.

3.8. Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của nhân dân, dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, tăng cường gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân

- Mở rộng và phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ, sức sáng tạo của Nhân dân trong thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, phát triển kinh tế - xã hội, tham gia xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương.

+ Hiện thực hóa phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân hưởng thụ” trong các hoạt động, lĩnh vực.

+ Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, trách nhiệm, hiệu quả Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Quan tâm thực hiện nghiêm túc đầy đủ các chính sách về dân tộc, tôn giáo

+ Tạo điều kiện cho các dân tộc giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc mình.

+ Hướng dẫn, tạo điều kiện cho các tôn giáo hoạt động đúng pháp luật, đúng tôn chỉ, phương châm “sống tốt đời đẹp đạo”, “sống phúc âm trong lòng dân tộc”; coi trọng và phát huy giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo vào sự phát triển văn hóa, kinh tế - xã hội của địa phương.

+ Tạo điều kiện cho các dân tộc, các tôn giáo tham gia phát triển kinh tế, các phong trào thi đua yêu nước, tham gia xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tích cực đấu tranh, phản bác các hình vi vi phạm pháp luật, lợi dụng chính sách dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chia rẽ giữa các dân tộc, các tôn giáo, chống phá chế độ gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần xây dựng địa phương phát triển nhanh, toàn diện và bền vững

3.9. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; xây dựng đội ngũ đảng viên và cán bộ các cấp, nhất là cán bộ lãnh đạo thật sự có đủ phẩm chất, năng lực, đoàn kết, gương mẫu, năng động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm, dám đột phá phát triển, xứng đáng với truyền thống của Đảng bộ và lòng tin của nhân dân

3.9.1. Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và đạo đức

- Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị.

+ Tuyên truyền nâng cao nhận thức, kiên định nền tảng tư tưởng của Đảng.

+ Chủ động ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái.

- + Nâng cao chất lượng công tác đánh giá, sơ tổng kết.
- Coi trọng xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng.
- + Đổi mới, nâng cao chất lượng học tập chính trị, nghị quyết.
- + Chủ động nắm dư luận, kịp thời xử lý phát sinh, nổi cộm, không để xảy ra điểm nóng.
- + Tiếp tục triển khai nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng theo Nghị quyết 35-NQ/TW.
- + Đẩy mạnh chuyên đổi số, giải pháp về công nghệ, kỹ thuật trong công tác tư tưởng.
- Tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức.
- + Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với nhiệm vụ chính trị; việc tu dưỡng rèn luyện về đạo đức, nêu gương và thực hiện nghiêm Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị quy định chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới.
- + Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt “tự soi, tự sửa” trở thành việc làm thường xuyên từng tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên.
- + Xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên suy thoái.
- + Phát huy vai trò tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát tu dưỡng, rèn luyện.
- + Thực hiện các quy định của Đảng về kiểm soát quyền lực.

3.9.2. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

- Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện mục tiêu tinh giản biên chế theo vị trí việc làm, gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

3.9.3. Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên

- Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, tự phê bình và phê bình.
- Tiếp tục nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, kỹ năng và nghiệp vụ công tác đảng cho đội ngũ cấp uỷ viên cơ sở.
- Tăng cường đổi mới công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện bản lĩnh chính trị cho đảng viên.
- Tăng cường công tác kết nạp, quản lý đảng viên; kịp thời rà soát, sàng lọc đưa ra khỏi Đảng những đảng viên không đủ tư cách.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đảng, công tác quản lý đảng viên và sinh hoạt đảng phù hợp với tình hình thực tiễn.

3.9.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ và công tác bảo vệ chính trị nội bộ

- Tập trung củng cố, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp.
- Tiếp tục thực hiện tốt công tác cán bộ; tăng cường cán bộ cho các địa bàn trọng điểm, lĩnh vực khó khăn, phức tạp.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng; kịp thời thẩm tra, xác minh, kết luận tiêu chuẩn chính trị của cán bộ.

- Triển khai thực hiện Kết luận 14-KL/TW, ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung.

3.9.5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

- Tập trung những lĩnh vực, địa bàn nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm.
- Tăng cường kiểm soát quyền lực và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát trong phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm, góp phần kéo giảm kỷ luật đảng.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ kiểm tra.

3.9.6. Tiếp tục đẩy mạnh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh, ngăn chặn, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu.

- Kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên các lĩnh vực.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa, công tác tự kiểm tra, phát hiện và xử lý tham nhũng từ sớm, từ xa.

- Đẩy nhanh tiến độ giải quyết các vụ án.

3.9.7. Công tác dân vận; tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 06-CT/TU về đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

- Triển khai thực hiện tốt Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, công tác tiếp dân, đối thoại với dân; giải quyết bức xúc, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân.

- Vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

- Hướng dẫn, tạo điều kiện cho các tôn giáo hoạt động theo đúng quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

3.9.8. Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng

- Xây dựng và thực hiện nghiêm chế độ làm việc theo quy chế, chương trình, kế hoạch; giải quyết công việc đúng thẩm quyền.

- Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, mở rộng dân chủ trong Đảng.

- Nâng cao chất lượng sơ, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết của Đảng.

- Tiếp tục ứng dụng mạnh mẽ, có hiệu quả thành tựu khoa học công nghệ, nhất là công nghệ thông tin vào hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy.

3.10. Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp đột phá

- Chương trình đột phá phát triển hạ tầng.

- Chương trình đột phá phát triển nguồn nhân lực.

- Chương trình đột phá về thể chế.

- Chương trình phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ.

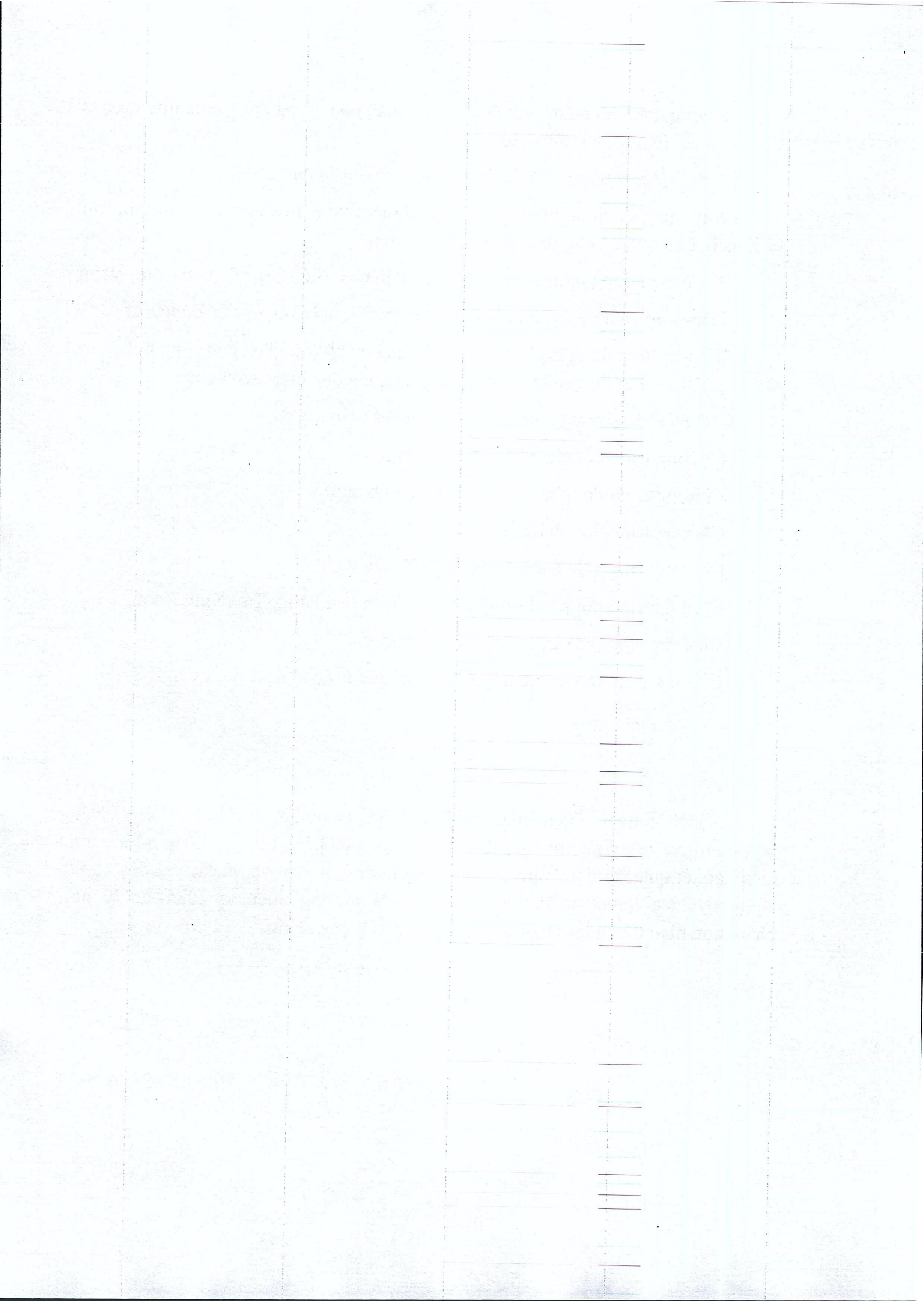
- Chương trình đột phá hướng tới phát triển bền vững: Tây Ninh Xanh.

- Chương trình phát triển du lịch Tây Ninh.

- Chương trình tạo ra các đột phá trong phát triển kinh tế dịch vụ.

KẾT LUẬN

Xác định trách nhiệm của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và Đảng bộ tỉnh trong việc phát huy ưu điểm, khắc phục yếu kém, khuyết điểm, nỗ lực thực hiện đạt kết quả cao nhất mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và các chỉ tiêu cụ thể Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đề ra trong nhiệm kỳ 2025 – 2030, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.



**CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHỤC VỤ XÂY DỰNG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẢNG CÁC CẤP
(TỈNH, HUYỆN, XÃ) NHIỆM KỲ 2025 - 2030**

PHỤ LỤC 1: CẤP TỈNH

TT	Nhóm, tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp	Kỳ báo cáo
I	Chỉ tiêu về kinh tế		
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (giá so sánh)	Tổng Cục Thống kê; Cục Thống kê.	- Quý I - 6 tháng - 9 tháng - Năm
2	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đầu người theo giá hiện hành - <i>Tính bằng VNĐ</i> - <i>Tính bằng USD</i>	Tổng Cục Thống kê; Cục Thống kê.	Năm
3	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn (giá hiện hành)	Tổng Cục Thống kê; Cục Thống kê.	- Quý - 6 tháng - 9 tháng - Năm
4	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với tổng sản phẩm trên địa bàn (Giá hiện hành)	Cục Thống kê	Năm
5	Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân trên 1ha đất trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Năm
6	Chỉ số sản xuất công nghiệp	Cục Thống kê	- Tháng - Quý - Năm
7	Tỷ trọng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP	Cục Thống kê	- Quý I - 6 tháng - 9 tháng - Năm
8	Tỷ trọng của lĩnh vực du lịch trong tổng sản phẩm (GRDP)	Cục Thống kê	- Quý - Năm
9	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu các ngành dịch vụ (Giá hiện hành)	Cục Thống kê	- Tháng - Quý - Năm
10	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	- Chủ trì: Sở Tài chính; - Phối hợp: Kho bạc nhà nước tỉnh, Cục Thuế tỉnh	- Quý I - 6 tháng - 9 tháng - Năm

TT	Nhóm, tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp	Kỳ báo cáo
11	Kim ngạch xuất khẩu	Cục Hải quan tỉnh	- Tháng - Quý - Năm
12	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trên địa bàn	- Chủ trì: Tổng cục Thống kê; - Phối hợp: Cục Thống kê, Sở Thông tin và Truyền thông	Năm
13	Năng suất lao động xã hội	Tổng Cục Thống kê; Cục Thống kê.	Năm
II Chỉ tiêu về văn hóa - xã hội			
14	Tỷ lệ lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc	Cục Thống kê	Năm
15	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	Sở Lao động - Thương binh và xã hội	- Quý - Năm
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng, chứng chỉ</i>		<i>Tổng Cục Thống kê; Cục Thống kê.</i>	- Quý - Năm
16	Tỷ lệ thất nghiệp - Thành thị - Nông thôn	Tổng Cục Thống kê; Cục Thống kê.	Năm
17	Tỷ lệ nghèo đa chiều	Sở Lao động - Thương binh và xã hội	Năm
18	Số bác sĩ, số giường bệnh trên 10.000 dân - Số bác sĩ - Số giường bệnh	- Chủ trì: Sở Y tế - Phối hợp: Cục Thống kê	Năm

TT	Nhóm, tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp	Kỳ báo cáo
19	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi	Sở Y tế	Năm
20	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Năm
	<i>Duy trì tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới</i>		
	<i>Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao</i>		
	<i>Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu</i>		
	<i>Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới; thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới</i>		
21	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Năm
22	Số trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia	Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm
	<i>Trong đó:</i>		
	<i>Mầm non</i>		
	<i>Tiểu học</i>		
	<i>Trung học cơ sở</i>		
23	Tỷ lệ đô thị hóa	- Chủ trì: Sở Xây dựng; - Phối hợp: Cục Thống kê, Công an tỉnh	Năm
III	Chỉ tiêu về môi trường		
24	Tỷ lệ che phủ rừng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Năm

TT	Nhóm, tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp	Kỳ báo cáo
25	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	Sở Xây dựng	Năm
26	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn của Bộ Y tế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Năm
27	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	- Chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường; - Phối hợp: Sở Công Thương, Sở Y tế.	Năm
28	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm
IV Chỉ tiêu về xây dựng Đảng			
29	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt trên 90%.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Năm
30	Tỷ lệ đảng bộ xã biên giới hoàn thành tốt nhiệm vụ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Năm
31	Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Năm
	Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới phần đầu đạt từ 3% trở lên	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Tháng
	20 xã biên giới phần đầu kết nạp đảng viên đạt	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Tháng

**CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHỤC VỤ XÂY DỰNG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẢNG CÁC CẤP
(TỈNH, HUYỆN, XÃ) NHIỆM KỲ 2025 - 2030
PHỤ LỤC 2: CẤP HUYỆN**

TT	Nhóm, tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp	Kỳ báo cáo
I	Chỉ tiêu kinh tế		
1	Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn	Chi cục Thống kê	Năm
2	Doanh thu bán lẻ hàng hóa	Chi cục Thống kê	- Tháng - Quý - Năm
3	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	- Chủ trì: Phòng Tài chính - Kế hoạch - Phối hợp: Kho bạc nhà nước cấp huyện, Chi cục Thuế	- Quý I - 6 tháng - 9 tháng - Năm
4	Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân trên 1ha đất trồng trọt	Phòng Kinh tế, Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Năm
II	Chỉ tiêu văn hóa - xã hội - môi trường		
5	Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng (số liệu thống kê theo kỳ báo cáo hàng năm)	Chi cục Thống kê	Năm
6	Tỷ lệ nghèo đa chiều	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Năm
7	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm xã hội cấp huyện	Năm
8	Số trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Năm
	<i>Trong đó:</i>		
	<i>Mầm non</i>		
	<i>Tiểu học</i>		
	<i>Trung học cơ sở</i>		
9	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	Phòng Y tế/Trung tâm Y tế cấp huyện	Năm
10	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Năm

TT	Nhóm, tên chỉ tiêu	Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp	Kỳ báo cáo
	<i>Duy trì tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới</i>		
	<i>Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao</i>		
	<i>Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu</i>		
11	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	Phòng Quản lý Đô thị/Phòng Kinh tế Hạ tầng	Năm
12	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn của Bộ Y tế	Phòng Quản lý Đô thị/Phòng Kinh tế Hạ tầng	Năm
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Năm
IV	Chỉ tiêu về xây dựng Đảng		
14	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt trên 90%.		Năm
15	Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ		Năm
16	Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới phấn đấu đạt từ 3% trở lên		Tháng

**CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHỤC VỤ XÂY DỰNG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẢNG CÁC CẤP
(TỈNH, HUYỆN, XÃ) NHIỆM KỲ 2025 - 2030
PHỤ LỤC 3: CẤP XÃ**

TT	Nhóm, tên chỉ tiêu	Nguồn số liệu	Kỳ báo cáo
I	Chỉ tiêu kinh tế		
1	Thu ngân sách xã, phường, thị trấn	Báo cáo thu ngân sách của xã, phường, thị trấn	- Quý I - 6 tháng - 9 tháng - Năm
2	Chi ngân sách xã, phường, thị trấn	Báo cáo chi ngân sách của xã, phường, thị trấn	- Quý I - 6 tháng - 9 tháng - Năm
II	Chỉ tiêu văn hóa - xã hội		
3	Tỷ lệ nghèo đa chiều	Kết quả rà soát hộ nghèo	Năm
4	Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	UBND xã, phường, thị trấn	Năm
5	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	UBND xã, phường, thị trấn	Năm
6	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	Số liệu điều tra	Năm
7	Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn Gia đình văn hóa	UBND xã, phường, thị trấn	Năm
8	Tỷ lệ ấp - khu phố đạt chuẩn văn hoá	UBND xã, phường, thị trấn	Năm
IV	Chỉ tiêu về xây dựng Đảng		
12	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt trên 90%.		Năm
13	Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ		Năm
14	Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới phần đầu đạt từ ...% trở lên		Tháng